TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tập
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1000/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 27/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị Kim O – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 04 thôn 85, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Hữu Xuân H – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 19, thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim O trình bày:

Tôi và ông Đỗ Hữu Xuân H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 27/12/2014 tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung có 01 cháu là Đỗ Trịnh Khánh N sinh ngày 07/7/2017. Tôi có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung có 02 tài sản chung gồm có:

+ Xe ô tô hiệu Hyundai Getz biển kiểm soát 47A-050.92 đứng tên ông Đỗ Hữu Xuân H. Hiện nay tôi là người đang sử dụng.

+ 01 quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R585661 do UBND thị xã C, tỉnh Khánh Hòa, cấp ngày 09/8/2000 cho hộ Huỳnh Thị T, đính chính tặng cho vợ chồng tôi thửa đất số 285, tờ bản đồ 03 ngày 28/02/2016.

Hiện tôi và ông H đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôi đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung. Tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H và được quyền nuôi dưỡng chăm sóc con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 5.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Hữu Xuân H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa HĐXX đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho bà Trịnh Thị Kim O được ly hôn với ông Đỗ Hữu Xuân H. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trịnh Khánh N sinh ngày 07/7/2017 cho bà Trịnh Thị Kim O nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung nên đề nghị HĐXX đình chỉ về phần giải quyết chia tài sản chung.

Hội đồng xét xử vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim O, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Bị đơn ông Đỗ Hữu Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Kim O và ông Đỗ Hữu Xuân H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/12/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà Trịnh Thị Kim O và ông Đỗ Hữu Xuân H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai vợ chồng cũng như gia đình hai bên cũng đã cố gắng hòa giải để động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng không đem lại kết quả, hiện tại ông H, bà O cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bà O có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim O xử cho bà Trịnh Thị Kim O được ly hôn với ông Đỗ Hữu Xuân H.

[3] Về con chung: Bà O và ông H có 01 con chung là cháu Đỗ Trịnh Khánh N, sinh ngày 07/7/2017, đang ở tuổi vị thành niên. Bà Trịnh Thị Kim O có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét bà Trịnh Thị Kim O có thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung và thực tế bà O đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì vậy cần giao cháu Đỗ Trịnh Khánh N cho bà O nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Thị Kim O yêu cầu ông Đỗ Hữu Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng mỗi tháng. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng của bà O là cao, vì vậy cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà O đã rút yêu cầu về phần chia tài sản chung. Vì vậy, cần đình chỉ với yêu cầu về phần chia tài sản chung là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim O phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đỗ Hữu Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Trịnh Thị Kim O phải chịu số tiền 9.020.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại TAND huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim O về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung".

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho bà Trịnh Thị Kim O được ly hôn với ông Đỗ Hữu Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trịnh Khánh N, sinh ngày 07/7/2017 cho bà Trịnh Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Hữu Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2020 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Hữu Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu về phần chia tài sản chung của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim O.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 9.675.000 đồng tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008461 ngày 09/11/2018. Bà O được nhận số tiền 9.375.000 đồng tạm ứng án phí còn lại.

Bị đơn ông Đỗ Hữu Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Trịnh Thị Kim O phải chịu số tiền 9.020.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại TAND huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Bà O đã nộp và chi phí xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh